TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 876/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11/8/2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lũy

Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Phan Thị Mai Hương
2/ Ông Huỳnh Tiến Dũng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyên Hà, Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11/8/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1184/2016/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2016, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 347/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1991.
Địa chỉ: số nhà 167/3 đường X, Phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Duy N, sinh năm 1980.
Địa chỉ: số nhà 39/9 đường số M, Khu phố P, phường Q, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2016 và lời trình bày của bà Nguyễn Thị Mỹ T:

Bà và ông Nguyễn Duy N tự nguyện tìm hiểu và chung sống vợ chồng vào năm 2008 nhưng đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

Phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do ông N nghi ngờ bà thiếu chung thuỷ. Từ đó ông N thường xuyên uống rượu say rồi xúc phạm bà, bản thân bà không đồng ý nên hai bên tranh cãi, xô xát lẫn nhau. Thời gian qua bà đã tách ra sống riêng và vợ chồng không còn quan tâm gắn bó tình cảm, trách nhiệm đối với nhau. Bà nhận thấy vợ chồng không có khả năng hàn gắn tình cảm xây dựng gia đình hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông Nguyễn Duy N.

Con chung: có một con chung tên Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 14/4/2009. Hiện con đang sống cùng ông N, ly hôn bà đồng ý giao con cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, bà tự thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Duy N đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Mỹ T giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Duy N. Ông Nguyễn Duy N có đơn yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Toà án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự đã được nhận đầy đủ các văn bản tố tụng và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn ông Nguyễn Duy N. Về con chung, giao con chung Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 14/4/2009 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Ly hôn". Do bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét, bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Nguyễn Duy N chung sống vợ chồng vào năm 2008, đến năm 2010 đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết

hôn số 108/2010 ngày 29/11/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N là hợp pháp.

Theo bà T thì đời sống hôn nhân của bà và ông N không còn hạnh phúc, ông N nghi ngờ bà thiếu chung thuỷ, không tôn trọng bà nên vợ chồng mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi nhau.

Toà án đã triệu tập ông N tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông N không đến Tòa để tham gia. Tuy nhiên đến ngày 31/7/2017, sau khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông N đã gửi đơn yêu cầu vắng mặt và trình bày ý kiến về việc nuôi con chung.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2015 do bà T có những mối quan hệ không rõ ràng làm cho ông N nghi ngờ bà thiếu chung thuỷ. Từ đó vợ chồng không còn gắn bó tình cảm, trách nhiệm đối với nhau, do trên thực tế đời sống hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

Con chung: Căn cứ lời khai của bà T, ông N phù hợp với bản sao giấy khai sinh số 167/2010 ngày 08/11/2010 do Uỷ ban nhân dân Phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đủ căn cứ xác định bà T và ông N có một con chung tên Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 14/4/2009. Hiện tại con đang sống chung với ông N ổn định. Ly hôn bà đồng ý giao con cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét, việc quyết định giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử phải xem xét bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con. Mặc dù ông N vắng mặt tại phiên toà nhưng ông đã có văn bản yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Bà T thừa nhận hiện tại con đang sống ổn định với ông N, ông N chăm sóc con cùng với sự hỗ trợ của gia đình bà nên con được nuôi dạy trong điều kiện đảm bảo. Mặt khác bé Nguyễn Ngọc N1 cũng có nguyện vọng được sống chung với ông N. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi của con nên tiếp tục giao cả con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: bà T cho rằng bà tự thực hiện nghĩa vụ đối với con, bản thân ông N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung: không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: bà T phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 269; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 57 và Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 7, Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ T;

Bà Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn ông Nguyễn Duy N.

2. Con chung: Ông Nguyễn Duy N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc N1 (nữ), sinh ngày 14/4/2009.

Bà Nguyễn Thị Mỹ T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

3. Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí:

Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu án phí ly hôn 200.000 (hai trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014411 ngày 01/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, bà T đã nộp đủ án phí.

5. Quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các điều 6; 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- CCTHADS Q.Thủ Đức;
- Đương sự;
- UBND phường Y, quận Z;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Cao Thị Hiền Lũy